TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI,** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 04/03/2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Chất**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Văn Kha**

Ông Nguyễn Văn Được

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Bùi Thị Thanh Tuyền** - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:* **Bà Chẩu Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2022/TLST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 15/01/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 02/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1979; *Nơi cư trú*: khu phố P, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Đình P**, sinh năm 1981, *Nơi cư trú*: khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- *Bị đơn*: **Ông Trương Văn B**, sinh năm 1950; *Nơi cư trú*: khu phố S, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (x*in giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P trình bày:* Ngày 11/9/2018, ông Trương Văn B có viết và ký giấy vay của bà N số tiền 160.000.000 đồng, đến ngày 08/10/2018 ông B có vay thêm của bà N số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 11/9/2018 đến ngày 11/9/2019, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và cả hai khoản vay đều ghi chung vào trong giấy vay tiền

ngày 11/9/2018, việc vay tiền không thế chấp tài sản gì để đảm bảo làm tin và chỉ được thực hiện giữa bà N với ông B, vợ và các con của ông B không biết, không liên quan đến việc vay mượn này. Quá trình thực hiện giao dịch vay tiền từ đó cho đến nay ông B chưa trả cho bà N số tiền gốc và tiền lãi suất nào cả.

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn B phải trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/9/2019 đến ngày đến ngày 11/4/2022 theo mức lãi suất của pháp luật là 10%/năm, số tiền lãi là 41.168.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà N yêu cầu ông B phải trả là 221.168.000 đồng.

** Bị đơn ông Trương Văn B trình bày:* Ông B có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 180.000.000 đồng *(một trăm tám mươi triệu đồng)* theo giấy vay tiền ngày 11/9/2018, vay làm hai lần: Lần 1 vào ngày 11/9/2018 vay số tiền 160.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 08/10/2018 vay số tiền là 20.000.000 đồng, việc vay tiền không có thế chấp tài sản gì để đảm bảo. Ông B cho rằng đã trả cho bà N số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 22/10/2018 trả 80.000.000 đồng, ngày 09/11/2018 trả 100.000.000 đồng, việc trả này không lập giấy tờ gì, chỉ ghi vào tại mặt sau giấy vay tiền ngày 11/9/2018 để theo dõi.

Ngoài ra, ông B cho rằng số tiền ông vay của bà N thì vợ con ông không biết và không được sử dụng số tiền này. Nay bà N yêu cầu ông B phải trả số tiền là 180.000.000 đồng và lãi suất thì ông B không đồng ý.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N: Buộc ông Trương Văn B có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/9/2019 đến ngày đến ngày 11/4/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn B có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 11/9/2018 và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/9/2019 đến ngày đến ngày 11/4/2022. Đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, do bị đơn là ông Trương Văn B có địa chỉ cư trú tại khu phố Suối Cam, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trương Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1]. Về số tiền nợ gốc:

Ngày 11/9/2018, ông Trương Văn B có viết và ký giấy vay của bà N số tiền 160.000.000 đồng, đến ngày 08/10/2018 ông B có vay thêm của bà N số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 11/9/2018 đến ngày 11/9/2019, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và cả hai khoản vay đều ghi chung vào trong giấy vay tiền ngày 11/9/2018, việc vay tiền không thế chấp tài sản gì để đảm bảo làm tin và chỉ được thực hiện giữa bà N với ông B, vợ và các con của ông B không biết, không liên quan đến việc vay mượn này. Quá trình thực hiện giao dịch vay tiền từ đó cho đến nay ông B chưa trả cho bà N số tiền gốc và tiền lãi suất nào cả. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn B có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/9/2019 đến ngày đến ngày 11/4/2022 với chứng cứ bà N cung cấp là 01 giấy vay tiền ngày 11/9/2018.

Bị đơn ông Trương Văn B, trong quá trình giải quyết vụ án đều thừa nhận có vay của bà N số tiền 180.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 11/9/2018, vay làm hai lần: Lần 1 vào ngày 11/9/2018 vay số tiền 160.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 08/10/2018 vay số tiền là 20.000.000 đồng, việc vay tiền không có thế chấp tài sản gì để đảm bảo, vợ con ông không biết và không được sử dụng số tiền này, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông B khẳng định rằng: Ông B đã trả cho bà N số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 22/10/2018 trả 80.000.000 đồng, ngày 09/11/2018 trả 100.000.000 đồng, việc trả này không lập giấy tờ gì, chỉ ghi vào mặt sau giấy vay tiền ngày 11/9/2018 để theo dõi, do vậy bà N yêu cầu ông B phải trả số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng và lãi suất thì ông B không đồng ý. Giấy vay tiền ngày 11/9/2018 được lập giữa bà Nguyễn Thị N với ông Trương Văn B đã bị tẩy xóa phần nội dung tại mặt sau: "*Ngày 22/10/2018 trả*

80.000.000 đồng, ngày 09/11/2018 trả 100.000.000 đồng" và ông B đã có đơn yêu cầu giám định để làm rõ nội dung bị tẩy xóa nói trên. Tuy nhiên, tại kết luận giám định số 25/2021/GĐ-TL ngày 11/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước và kết luận giám định số 7073/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luật: "Không phát hiện dấu vết tẩy xóa", như vậy lời khai của ông B là không có căn cứ, ngoài ra ông B cũng không cung cấp bất cứ chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc ông Trương Văn B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng là đúng theo quy định pháp luật.

[3.2]. Về tiền lãi suất: Tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà N yêu cầu ông B có trách nhiệm trả tiền lãi suất từ ngày 11/9/2019 đến ngày 11/4/2022 theo mức lãi suất của pháp luật là 10%/năm đối với số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của bà N là hoàn toàn có lợi cho ông B về mức lãi suất, thời gian tính lãi suất, số tiền tính lãi suất và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ được chấp nhận.

Cụ thể: 180.000.000 đồng x 10%/năm x 31 tháng (thời gian chậm trả nợ từ ngày 11/9/2019 đến ngày 11/4/2022) = 41.168.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất ông B có trách nhiệm trả cho bà N là 180.000.000 đồng + 41.168.000 đồng = 221.168.000 đồng.

[4]. Đối với số tiền 45.000.000 đồng, ông B khai rằng là tiền lãi suất mà ông đã trả cho bà N nhưng ông B không có ý kiến và cũng không đề nghị xem xét giải quyết đối với số tiền này, vì đây là quyền tự nguyện và tự định đoạt của ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về chi phí giám định là 7.000.000 đồng, ông Trương Văn B phải chịu, được khấu trừ vào số tiền 7.000.000 đồng ông B đã đóng tạm ứng chi phí giám định.

[6]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông Trương Văn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí được chính quyền địa phương xác nhận nên được miễn toàn bộ án phí.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Trương Văn B có trách trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc đã vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi suất 41.168.000 đồng. Tổng cộng là 221.168.000 đồng *(Hai trăm hai mươi mốt triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho ông Trương Văn B

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài hoàn trả lại cho bà N số tiền 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004630 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trương Văn B được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước.*
- *VKSND TP. Đồng Xoài;*
- *Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Chất